

Số: /QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày
17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của
Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung chi, mức chi Quỹ phòng,
chống thiên tai của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 146/TTr-SNN ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc phê duyệt kế hoạch thu,
nộp Quỹ phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa
bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2024 (sau khi trừ miễn giảm) với tổng số tiền
là 11.439.879.323 đồng (Mười một tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu tám trăm bảy
mươi chín nghìn ba trăm hai mươi ba đồng), với nội dung chi tiết theo kế hoạch
đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các tổ chức, cá nhân có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ phòng, chống thiên tai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2024

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung chi, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Huy động nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đóng góp kinh phí cho công tác phòng, chống thiên tai để chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 và Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý quỹ phòng, chống thiên tai.

Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, các lực lượng vũ trang, nhân dân và toàn xã hội về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đóng góp và nộp Quỹ phòng, chống thiên tai và trách nhiệm, nghĩa vụ của tất cả công dân và toàn xã hội.

2. Yêu cầu

Thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai đúng đối tượng, đúng mức thu, đảm bảo thời gian, tiến độ kế hoạch đã xây dựng.

Quản lý, theo dõi, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai đảm bảo đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về tài chính.

III. KẾ HOẠCH THU, NỘP QUỸ

1. Đối tượng thu và mức đóng góp

Đối tượng thu và mức đóng góp quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1.1. Đối tượng thu

- a) Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn
- b) Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường theo quy định của pháp luật về lao động.

1.2. Mức đóng góp

a) Mức đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn một năm là 0,02% (*Không phải không hai phần trăm*) trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức báo cáo cơ quan thuế nhưng tối thiểu 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*), tối đa 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phục cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở tỉnh, ở cấp huyện, ở cấp xã, và lực lượng vũ trang đóng một phần hai (1/2) của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

c) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai (1/2) của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Nếu người lao động có giao kết nhiều hợp đồng với nhiều doanh nghiệp chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất.

d) Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã được quy định tại điểm b, điểm c khoản này, đóng góp 10.000 đồng/người/năm.

2. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ

Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp quỹ được thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

3. Hình thức và thời gian thu, nộp Quỹ

3.1. Hình thức thu, nộp Quỹ

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức thu Quỹ năm 2024 của các đối tượng người lao động khác trên địa bàn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ và điểm d khoản 1 mục III trên; và thực hiện việc trích, nộp tiền vào tài khoản Quỹ phòng chống thiên tai cấp huyện trực tiếp quản lý theo quy định.

Thủ trưởng các cơ quan Đảng; các sở, ban, ngành, đoàn thể; các tổ chức chính trị - xã hội; các lực lượng vũ trang; các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; các tổ chức kinh tế có trách nhiệm lập danh sách và tổ chức thu Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2024 của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị và nộp về Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ quan, đơn vị đóng trụ sở.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thu Quỹ năm 2024 của các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp tỉnh, lực lượng vũ trang, các cơ quan trung ương, các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn và thực hiện việc trích, nộp tiền vào tài khoản Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh theo quy định.

3.2. Thời gian nộp Quỹ:

Đối với cá nhân nộp một lần trước ngày 31/7/2024;

Đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước ngày 31/7/2024, số còn lại nộp trước 30/11/2024.

4. Quản lý, sử dụng nguồn thu Quỹ

Việc quản lý, sử dụng Quỹ thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ và Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung chi, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Công khai nguồn thu, nộp Quỹ

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, công khai kết quả thu, nộp Quỹ theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ.

6. Chỉ tiêu thu, nộp Quỹ

Tổng số tiền thu Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2024 (sau khi trừ miễn giảm) với là **11.439.879.323 đồng** (bằng chữ: Mười một tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm hai mươi ba đồng), cụ thể:

a) Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài: 5.490.428.892 đồng.

b) Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động: 5.949.450.431 đồng. Trong đó:

- Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương; cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước: 1.234.655.620 đồng
- Người lao động trong các doanh nghiệp: 1.530.464.811 đồng
- Người lao động khác: 3.184.330.000 đồng

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện thu, trích, nộp, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ và Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Rà soát, tổng hợp số liệu thu Quỹ của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt bổ sung chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống thiên tai (nếu có).

2. Cục thuế tỉnh có trách nhiệm:

- Rà soát, tổng hợp và gửi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh danh sách các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý thuế của đơn vị *(kèm theo thông tin về tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính năm 2023, danh sách các đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ theo quy định tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ)*

- Chỉ đạo các Chi cục thuế thực hiện rà soát, tổng hợp và gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố danh sách các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý thuế của đơn vị *(kèm theo thông tin về tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính năm 2023, danh sách các đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ theo quy định tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ)*

3. Thủ trưởng các cơ quan Đảng; các sở, ban, ngành, đoàn thể; các tổ chức chính trị - xã hội; các lực lượng vũ trang; các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; các tổ chức kinh tế có trách nhiệm lập danh sách và tổ chức thu Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2024 của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị và nộp về Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ quan, đơn vị đóng trụ sở.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch, phát hành thông báo và tổ chức thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai đối với các tổ chức, cá nhân do đơn vị phụ trách, đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng, tránh thu chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót đối tượng.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách thu Quỹ phòng, chống thiên tai đến các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn biết và thực hiện theo đúng quy định.

- Có kế hoạch phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm và cơ quan quản lý Quỹ cấp huyện trong việc thu Quỹ đối với các đối tượng là người lao động và các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn; Rà soát, cập nhật bổ sung kế hoạch thu Quỹ năm 2024 (nếu có).

- Kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong công tác thu, chi, trích nộp Quỹ phòng, chống thiên tai.

- Thực hiện nghiêm việc thu, chi, trích nộp, quyết toán Quỹ theo đúng thời gian quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 18 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ và Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 17/01/2023.

Phụ lục 1

Chỉ tiêu Thu Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2024

(Đính kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Địa phương	Thu của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài (đóng 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có)	Thu của Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động (theo quy định của pháp luật về lao động)			Các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện	Tổng thu
			Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương; cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước (đóng 1/2 của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng)	Người lao động trong các doanh nghiệp (đóng 1/2 của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động)	Người lao động khác (mức đóng 10.000đồng/người/năm, trừ đối tượng tại cột (2),(3))		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(1+2+3+4+5)
	TỔNG CỘNG	5.490.428.892	1.234.655.620	1.530.464.811	3.184.330.000		11.439.879.323
1	UBND Tp. Vũng Tàu	1.500.000.000	405.541.000	900.000.000	1.011.870.000		3.817.411.000
2	UBND Tp. Bà Rịa	-	234.582.678	196.996.811	186.880.000		618.459.489
3	UBND Thị xã Phú Mỹ	2.300.000.000	81.600.000		550.640.000		2.932.240.000
4	UBND huyện Long Điền	-	76.869.098	-	430.540.000		507.409.098
5	UBND huyện Đất Đỏ	-	80.606.000	-	277.880.000		358.486.000
6	UBND huyện Châu Đức	100.000.000	154.101.844	91.000.000	245.720.000		590.821.844
7	UBND huyện Xuyên Mộc	1.542.428.892	138.355.000	312.468.000	475.800.000		2.469.051.892
8	UBND huyện Côn Đảo	48.000.000	63.000.000	30.000.000	5.000.000		146.000.000